

TỔNG CÔNG TY PHÂN BÓN VÀ HÓA CHẤT DẦU KHÍ - CTCP

TÀI LIỆU PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2011

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ	2
Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU	3
Phần 2 – BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2010 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2011	6
Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	12
Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010 VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	16
I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	16
II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN.....	23
Phần 5 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT.....	25
Phần 6- BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT	28
Phần 7 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	29
Phần 8 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY.....	31
Phần 9 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC CẬP NHẬT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY	33

CHƯƠNG TRÌNH NGHỊ SỰ

PHIÊN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN 2010

Ngày 08/04/2010

Thời gian	Nội dung	Thời lượng dự kiến
7h30 – 8h30	Đón tiếp đại biểu và quý cổ đông	60 phút
8h30 – 8h40	Chào cờ, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu	10 phút
8h40 – 8h43	Báo cáo của Ban kiểm tra tư cách cổ đông	3 phút
8h43 – 8h50	Thông báo nội quy cuộc họp Giới thiệu Đoàn chủ tịch, Thư ký cuộc họp	7 phút
8h50 – 9h02	Chào mừng quý cổ đông và khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông qua Chương trình nghị sự của cuộc họp. Bầu Ban kiểm phiếu .	12 phút
9h02 – 9h05	Ban kiểm phiếu hướng dẫn thể lệ biểu quyết	3 phút
9h05 – 9h25	Báo cáo về tình hình kinh doanh năm 2010 và các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2011	20 phút
9h25 – 9h35	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị	10 phút
9h35 – 9h50	Báo cáo tài chính năm 2010 và Phương án phân phối lợi nhuận	15 phút
9h50 – 9h55	Báo cáo thù lao, lương, thưởng 2010 của HĐQT, BKS, trình Dự toán 2011	5 phút
9h55 – 10h10	Báo cáo hoạt động của BKS năm 2010 và đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán năm 2011	15 phút
10h10 – 10h15	Phê chuẩn quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT	5 phút
10h15 – 10h30	Sửa đổi bổ sung Điều lệ TCT	15 phút
10h30 – 10h45	Giải lao	15 phút
10h45 – 11h00	Báo cáo về việc cập nhật chiến lược PT	15 phút
11h00 – 11h 45	Thảo luận, trả lời chất vấn	45 phút
11h45 – 12h00	Hoàn tất thu phiếu biểu quyết, Tổng hợp phiếu biểu quyết thông qua các nội dung, kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	15 phút
12h00 – 12h10	Thông qua nghị quyết đại hội và bế mạc	10 phút

Phần 1 – NỘI QUY CUỘC HỌP VÀ THẺ LỆ BIỂU QUYẾT, KIỂM PHIẾU

Bản Nội quy cuộc họp và Thẻ lệ biểu quyết, kiểm phiếu này được áp dụng tại phiên họp thường niên năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần với các mục tiêu:

- Đảm bảo nguyên tắc công khai, công bằng và dân chủ;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tổ chức và tiến hành cuộc họp.

I. TRẬT TỰ CỦA CUỘC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

1. Tất cả các cổ đông đến dự họp ăn mặc nghiêm túc, xuất trình giấy tờ tùy thân, giấy mời họp và giấy tờ khác liên quan đến việc xác minh tư cách cổ đông dự họp tại bàn tiếp đón.
2. Ban tổ chức ưu tiên sắp xếp chỗ ngồi, phát tài liệu, in phiếu biểu quyết cho cổ đông có xác nhận tham dự họp và đến đúng giờ.
3. Cổ đông khi vào phòng họp phải ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức đại hội quy định. Tuyệt đối tuân thủ việc sắp xếp vị trí của Ban tổ chức.
4. Không hút thuốc lá trong Hội trường.
5. Không nói chuyện riêng, không nói chuyện điện thoại trong cuộc họp. Tất cả các máy điện thoại di động phải tắt hoặc không được để chuông.

II. TRÌNH TỰ DIỄN BIẾN CUỘC HỌP

Ngay sau khi Ban kiểm tra tư cách cổ đông thông báo kết quả kiểm tra và xác định số lượng cổ đông có mặt thỏa mãn điều kiện để tổ chức cuộc họp, thủ tục khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ) được tiến hành ngay.

1. **Giới thiệu nội quy, thành phần Đoàn Chủ tịch, Ban thư ký.**
2. **Chủ tịch HĐQT – Chủ tọa Đại hội phát biểu chào mừng quý vị cổ đông đến dự họp.**
3. **Thông qua Chương trình nghị sự, bầu Ban kiểm phiếu.**
ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ tay.
4. **Báo cáo trước Đại hội những nội dung của phiên họp.**
 - Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động SXKD năm 2010 và các chỉ tiêu kế hoạch SXKD chính năm 2011.
 - Báo cáo hoạt động của HĐQT năm 2010.
 - Báo cáo tài chính năm 2010 và Phương án phân  ph  lợi nhuận thực   c hiện 2010 và kế hoạch phân phối LN 2011.
 - Báo cáo thù lao và các          khác của HĐQT, BKS: Báo cáo thực hiện năm 2010 và trình Dự toán cho năm 2011.
 - Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát và đề xuất lựa chọn kiểm toán.
 - Phê chuẩn quyết định bổ nhiệm thành viên HĐQT.
 - Thông qua tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ của TCT.
 - Thông qua các nội dung cập nhật chiến lược phát triển TCT
5. **Thảo luận về nội dung phiên họp và giải đáp thắc mắc.**

Sau khi Ban lãnh đạo Tổng công ty báo cáo cuộc họp Đ         các nội dung phiên họp, Đoàn chủ tịch tiếp tục chủ trì phiên thảo luận, nghe ý kiến của Đ         và giải đáp thắc mắc, theo nguyên tắc và cách thức sau đây:

- Phiên thảo luận sẽ được tiến hành sau khi báo cáo, nội dung của Đại hội được trình bày.

- Cổ đông có ý kiến phát biểu tại cuộc họp cần điền nội dung câu hỏi vào Phiếu ý kiến (do ban tổ chức cuộc họp đại hội đồng cổ đông cung cấp), gửi cho Ban thư ký để tổng hợp gửi lên Đoàn chủ tịch. Ngoài ra, tài liệu cuộc họp được Tổng công ty đăng tải trên website, đề nghị cổ đông nghiên cứu trước và chuẩn bị câu hỏi, gửi trước cho ban tổ chức đại hội.
- Các cổ đông yêu cầu và Đoàn chủ tịch trả lời trực tiếp các câu hỏi trọng tâm và liên quan đến các nội dung trong chương trình và mang tính đại diện cho nhiều cổ đông. Chi tiết các nội dung đã được công bố thông tin, các nội dung có tính chất giải thích chuyên môn thì Đoàn chủ tịch sẽ tổng hợp và trả lời chung.
- Các câu hỏi về thông tin riêng lẻ hoặc không liên quan trực tiếp đến nội dung cuộc họp đại hội đồng cổ đông, sẽ được ban thư ký tập hợp và trả lời bằng văn bản hoặc thông tin trên website của Tổng công ty.

III. BIỂU QUYẾT THÔNG QUA CÁC VẤN ĐỀ TẠI CUỘC HỌP:

1. Nguyên tắc:

Tất cả các vấn đề trong chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ đều phải được thông qua bằng cách lấy ý kiến biểu quyết công khai của tất cả cổ đông bằng Phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và đại diện. Mỗi cổ đông khi vào dự họp được cấp một Phiếu biểu quyết, trong đó ghi các thông tin theo quy định, các nội dung đề nghị biểu quyết, (có in mã vạch để phục vụ việc kiểm phiếu bằng công nghệ thông tin)

2. Cách biểu quyết:

Cổ đông biểu quyết (*tán thành, không tán thành, không có ý kiến*) từng vấn đề bằng cách đánh dấu vào ô tương ứng trong Phiếu biểu quyết, sau đó chuyển lại Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

3. Thời điểm biểu quyết:

Ngay sau khi kết thúc phần thảo luận, các cổ đông chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức. Trong quá trình họp, các cổ đông có thể biểu quyết trước các nội dung và chuyển Phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức.

4. Kiểm phiếu:

Ban kiểm phiếu gồm 3 thành viên do Đoàn Chủ tịch đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban kiểm phiếu tiến hành công việc thu phiếu, kiểm phiếu với sự trợ giúp của tổ giúp việc.

Trong trường hợp cần thiết, Đoàn Chủ tịch sẽ mời đại diện quý vị cổ đông dự họp để tham gia giám sát quá trình thu phiếu và kiểm phiếu biểu quyết với Ban kiểm phiếu.

IV. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ TỊCH ĐOÀN:

1. Điều khiển cuộc họp theo đúng nội dung chương trình nghị sự, các thể lệ quy chế đã được ĐHĐCĐ thông qua. Chủ tịch đoàn làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ và quyết định theo đa số.
2. Hướng dẫn các cổ đông thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết các vấn đề nằm trong nội dung chương trình nghị sự của cuộc họp ĐHĐCĐ và các vấn đề có liên quan trong suốt quá trình họp.
3. Giải quyết các vấn đề nảy sinh trong quá trình họp ĐHĐCĐ.

V. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN THƯ KÝ:

1. Ghi chép đầy đủ, trung thực toàn bộ nội dung diễn biến cuộc họp ĐHĐCĐ và những vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý tại cuộc họp.
2. Tập hợp văn bản ý kiến của cổ đông trình Đoàn chủ tịch.

3. Soạn thảo Biên bản họp đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết về các vấn đề đã được thông qua tại cuộc họp.

VI. TRÁCH NHIỆM CỦA BAN KIỂM PHIẾU:

4. Phổ biến thể lệ và các nguyên tắc biểu quyết.
5. Phát phiếu và thu phiếu biểu quyết, tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả biểu quyết về các vấn đề thông qua tại cuộc họp.
6. Nhanh chóng thông báo cho Ban Thư ký kết quả biểu quyết.
7. Xem xét và báo cáo với ĐHĐCĐ quyết định những trường hợp vi phạm thể lệ hoặc đơn từ khiếu nại về biểu quyết.

Trên đây là Nội quy cuộc họp và Thể lệ biểu quyết, kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Bùi Minh Tiến

Phần 2 – BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2010 VÀ CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2011

A - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2010

I. Kết quả thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu

1. Các chỉ tiêu về sản lượng

- Sản lượng sản xuất

- + *Urê Phú Mỹ*: 807.129 tấn - đạt 109% KH năm, tăng 7% so với năm 2009.
- + *Amoniắc dư*: 28.252 tấn - đạt 113% KH.
- + *Bao bì*: 27,59 triệu bao - đạt 102% KH, tăng 6% so với năm 2009.

- Sản lượng nhập khẩu: 144.313 tấn, đạt 96% KH năm *(do nguồn cung phân bón trong nước đã đáp ứng cầu và kinh doanh phải đảm bảo hiệu quả)*.

- Sản lượng kinh doanh

- + *Urê Phú Mỹ*: 806.152 tấn - đạt 107% KH năm, tăng 12% so với năm 2009.
- + *Amoniắc dư*: 24.605 tấn - đạt 98% KH *(do sử dụng NH₃ để tăng sản lượng Urê khi dự án CO₂ đưa vào hoạt động từ tháng 10/2010)*.
- + *Bao bì*: 27,22 triệu bao - đạt 101% KH, tăng 3% so với năm 2009.
- + *XNK và KD khác*: 264.939 tấn, đạt 104% KH năm.

2. Các chỉ tiêu tài chính (sau kiểm toán)

- Tổng doanh thu: 6.999 tỷ đồng - đạt 124% KH năm, tăng 2,5% so với năm 2009.

- Lợi nhuận trước thuế: 1.922 tỷ đồng - đạt 191% KH, tăng 26% so với năm 2009.

- Lợi nhuận sau thuế: 1.703 tỷ đồng - đạt 184% KH, tăng 26% so với năm 2009.

- Nộp NSNN: 288 tỷ đồng (không tính 117 tỷ đồng thuế thu nhập DN được giãn nộp năm 2009 chuyển sang) - đạt 121% KH.

II. Những thành tích đạt được trong năm 2010

Hoạt động sản xuất, kinh doanh phân bón luôn bị ảnh hưởng đa chiều và trực tiếp từ thị trường quốc tế và kết quả sản xuất, kinh doanh tăng, giảm theo giá dầu, giá nông sản, tỷ giá ngoại tệ. Đồng thời còn chịu ảnh hưởng rất lớn bởi: thiên tai, hạn hán, lũ lụt ... cũng như sự thay đổi chính sách vĩ mô của các quốc gia: Chính sách an ninh lương thực, chính sách bảo hộ sản xuất trong nước liên quan đến sản xuất, kinh doanh phân bón cũng như sản xuất nông nghiệp. Trong các năm 2008, 2009 Tổng công ty đã nỗ lực từng bước vượt qua khủng hoảng và đạt được những kết quả khả quan. Vì vậy, để điều hành sản xuất, kinh doanh năm 2010 đạt được sự tăng trưởng như kỳ vọng của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị là một thách thức lớn và đòi hỏi sự nỗ lực cao của Ban Tổng giám đốc cũng như tập thể người lao động trong Tổng công ty.

Bên cạnh việc tập trung sản xuất ổn định, hiệu quả, ban điều hành đã tổ chức triển khai tốt hệ thống phân phối, góp phần thành công trong việc thực hiện chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh. Hoạt động kinh doanh phân bón nhập khẩu được dự báo chính xác và triển khai bám sát với thị trường, đảm bảo được mục tiêu gia tăng nguồn cung ứng phân bón của Tổng công ty tại các thời điểm phù hợp và có hiệu quả. Tổng công ty đã xúc tiến việc thâm nhập vào thị trường khu vực qua việc xuất khẩu đạm Phú Mỹ sang thị trường Campuchia.

Với những nỗ lực đó, PVFCCo đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đề ra của năm 2010.

✓ **Những thành tựu và sự kiện mang dấu ấn quan trọng:**

- Tập thể PVFCCo được bầu là đơn vị điển hình tiên tiến xuất sắc dẫn đầu phong trào thi đua yêu nước của Tập đoàn DKVN giai đoạn 2006-2010 (ngày 13/6/2010);
- Nhà máy Đạm Phú Mỹ đón sản lượng 4 triệu tấn (ngày 29/4/2010);
- PVFCCo đạt giải thưởng “Vì sự phát triển nông nghiệp, nông thôn, nông dân”;
- Mã chứng khoán DPM được bình chọn là “Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010” (ngày 12/9/2010);
- Nhà máy Đạm Phú Mỹ vinh dự là một trong 65 công trình xây dựng đã được trao “Cúp vàng chất lượng xây dựng Việt Nam” (ngày 13/11/2010);
- PVFCCo được Tổng giám đốc Tập đoàn DKVN quyết định tặng Bằng khen về thành tích Thi đua “Về đích trước kế hoạch năm 2010” (ngày 23/11/2010);

✓ **Đánh giá các mặt hoạt động của Tổng Công ty**

- Những thành tích đạt được đã đánh dấu bước trưởng thành vượt bậc của đội ngũ cán bộ quản lý của Tổng công ty, đội ngũ quản lý, kỹ sư và công nhân vận hành sản xuất tại Nhà máy Đạm Phú Mỹ; điều đó đã khẳng định bước đi đúng đắn và vững chắc của PVFCCo theo định hướng chiến lược phát triển chung của Ngành.
- PVFCCo đã hoàn thành kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua việc chuyển đổi thành công 4 công ty TNHH MTV (PVFCCo miền Bắc, miền Trung, Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ) sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 30/01/2011 (Tổng công ty nắm giữ 75% cổ phần chi phối).
- Tổng công ty đã triển khai xây dựng hệ thống kinh doanh, phân phối các sản phẩm của TCT trên cả nước gồm 10 cửa hàng phân bón hóa chất Dầu khí, 57 đại lý, 28 cửa hàng (cấp 1) và 2.793 cửa hàng cấp 2. Ngoài ra, Tổng công ty đã nhập khẩu 144.313 tấn phân bón các loại, đảm bảo cung cấp trên 50% nhu cầu urê trong nước, tham gia tích cực vào công tác bình ổn thị trường phân bón trong nước và góp phần đảm bảo chính sách an ninh lương thực.
- Trong 2 tháng cuối năm 2010, thực hiện chính sách bình ổn giá phân bón của Chính phủ và Tập đoàn, PVFCCo đã triển khai Chương trình bán đạm Phú Mỹ (23.000 tấn) với giá ưu đãi trực tiếp cho nông dân vùng lũ tại 7 tỉnh thuộc Trung Bộ và Nam Trung Bộ, nhằm hỗ trợ nông dân khắc phục hậu quả sau lũ và sớm phục hồi sản xuất vụ Đông – Xuân 2010-2011.
- Đẩy mạnh mạng kinh doanh hóa chất nhằm đa dạng hóa sản phẩm của Tổng công ty và tiến hành xuất khẩu trên 8.500 tấn phân bón một số nước trong khu vực nhằm mở rộng thị trường kinh doanh và từng bước vươn ra thị trường quốc tế.
- Công tác tài chính và quản lý vốn luôn được chú trọng để đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động của Tổng công ty. PVFCCo đã từng bước triển khai phương án quản lý dòng tiền hiệu quả, nâng cao hiệu quả hoạt động đầu tư.
- Chú trọng công tác nhân sự, đào tạo nguồn nhân lực và coi đây là nhiệm vụ hàng đầu nhằm xây dựng được đội ngũ lao động có chất lượng, sẵn sàng hoàn thành mọi nhiệm vụ được giao. Công tác khoa học công nghệ luôn được chú trọng, nhiều sáng kiến cải tiến kỹ thuật đã được áp dụng vào thực tế vận hành, bảo dưỡng, quản lý và được đánh giá cao tại Hội thi sáng tạo ngành Dầu khí Việt Nam lần thứ nhất. Tổng kết năm 2010 có 73 sáng kiến/hợp lý hóa sản xuất được công nhận với tổng giá trị làm lợi 40 tỷ đồng.
- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản (ĐT-XDCB), trong năm 2010 PVFCCo đã triển khai 12 dự án (01 dự án nhóm A, 7 dự án nhóm B, 4 dự án nhóm C) và đầu tư một số kho, cửa

hàng, văn phòng. Trong đó đặc biệt là Dự án thu hồi CO₂ từ khói thải nhà máy đã hoàn thành trước tiến độ 5 tháng.

- Bên cạnh nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, PVFCCo là một trong những đơn vị dẫn đầu Tập đoàn trong việc thực hiện các chương trình an sinh xã hội (100 tỷ đồng) với nhiều loại hình hoạt động như: nhà Đại đoàn kết, nhà tình nghĩa, các công trình phúc lợi và các hoạt động vì cộng đồng. Các hoạt động này đã gắn liền với công tác quảng bá thương hiệu sản phẩm DPM của Tổng công ty. Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí cũng được triển khai sâu rộng trên mọi mặt hoạt động, kết quả thực hiện năm 2010 tiết kiệm được 59,8 tỷ đồng, trong đó: tiết kiệm chi phí trong SXKD 48,6 tỷ đồng và trong ĐTXD là 11,2 tỷ đồng.
- Với kinh nghiệm sẵn có, Tổng công ty thực hiện dịch vụ chuẩn bị nhân lực cho Dự án Đạm Cà Mau, công tác đào tạo đang được triển khai theo đúng tiến độ (180 kỹ sư và 285 công nhân), dự kiến kết thúc khóa tháng 5/2011. Để chuẩn bị cho việc tham gia vào hoạt động phân phối, kinh doanh Đạm Cà Mau, công tác truyền thông tiếp thị, chuẩn bị thị trường cho tiêu thụ sản phẩm ĐCM cũng được triển khai khẩn trương nhằm sẵn sàng bao tiêu sản phẩm từ cuối năm 2011.

Để đạt được những thành tựu trên, PVFCCo đã nhận được sự chỉ đạo, ủng hộ của Chính Phủ và các bộ ngành liên quan, cũng như sự ủng hộ của Lãnh đạo Tập đoàn – một cổ đông lớn của PVFCCo trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty; Kết hợp với sự đoàn kết, say mê lao động sáng tạo của tập thể CBCNV PVFCCo trong các lĩnh vực hoạt động của mình và tập thể Lãnh đạo, các tổ chức Đảng, đoàn thể PVFCCo luôn đoàn kết nhất trí vì mục tiêu chung.

III. Những thuận lợi và khó khăn trong triển khai nhiệm vụ và bài học kinh nghiệm

1. Thuận lợi:

- Nguồn khí đầu vào đáp ứng đủ cho công suất hoạt động tối đa của Nhà máy ĐPM.
- Chất lượng sản phẩm và thương hiệu Đạm Phú Mỹ đã tạo được uy tín đối với bà con nông dân.
- Nguồn vốn được đảm bảo đủ và kịp thời cho sản xuất và kinh doanh hàng xuất nhập khẩu.
- Trong công tác bảo dưỡng có những tiến bộ mới, đã thay đổi phương thức từ sửa chữa đột xuất sang bảo dưỡng có kế hoạch. Thực hiện tương đối đầy đủ công tác bảo dưỡng định kỳ, bảo dưỡng phòng ngừa đối với các thiết bị trong nhà máy, đây cũng là một yếu tố quan trọng để giảm thiểu sự cố ngừng máy, giữ cho sản xuất ổn định, an toàn và hiệu quả.
- Áp dụng những phần mềm tiên tiến trong bảo dưỡng như CMMS, System 1 đã hỗ trợ đắc lực cho việc quản lý, theo dõi tình trạng thiết bị và chẩn đoán các hư hỏng của thiết bị, điều tra sự cố.
- Tổng công ty đã phối hợp với các Công ty TNHH MTV tại các vùng miền trong cả nước xây dựng được hệ thống phân phối đạm Phú Mỹ và kinh doanh các sản phẩm phân bón khác có thể cung cấp kịp thời cho sản xuất nông nghiệp.
- Sự đoàn kết, nhất trí vì nhiệm vụ chung trong nội bộ Tổng công ty.

2. Khó khăn:

- Nhà máy tuy có công nghệ và thiết bị hiện đại tiên tiến, song vận hành đã 6 năm nên máy móc, thiết bị gặp sự cố là không thể tránh khỏi.
- Trong công tác mua sắm: Hầu hết vật tư, thiết bị, hóa chất của nhà máy đều phải mua ở nước ngoài, thời gian giao hàng chậm, giá trị lại cao nên việc mua sắm vật tư nhiều khi không đáp ứng kịp cho công tác sửa chữa đột xuất, bên cạnh đó lại không thể tích trữ một lượng lớn vật tư dự phòng đã tạo khó khăn trong cung ứng vật tư và bảo dưỡng sửa chữa.

- Kinh doanh xuất khẩu còn hạn chế, chỉ đạt 17% so với kế hoạch. Việc xuất khẩu Urea Phú Mỹ sang thị trường Campuchia còn gặp nhiều khó khăn do tập quán tiêu dùng, thông lệ thanh toán, chính sách xuất khẩu của Chính phủ Việt Nam. Việc thực hiện xuất khẩu sang các thị trường khác gặp nhiều khó khăn do thương hiệu Đạm Phú Mỹ chưa được sử dụng nhiều. Tập quán mua bán của các nước này thường mua hàng xá để đóng bao tiêu thụ nội địa, trong khi nếu mua Đạm Phú Mỹ dạng bao thì họ phải bán với thương hiệu DPM và phải mất thời gian, tốn chi phí để giới thiệu sản phẩm, xâm nhập thị trường.
- Nạn sản xuất và kinh doanh phân bón giả kém chất lượng vẫn đang diễn ra trên toàn quốc chưa có biện pháp ngăn chặn triệt để.

3. Bài học kinh nghiệm

Năm 2010 qua đi để lại cho tập thể Ban lãnh đạo và CBCNV PVFCCo nhiều bài học quý giá; những bài học này giúp PVFCCo nâng cao năng lực tổ chức, quản lý và điều hành:

- Bài học về việc bám sát nhiệm vụ, kế hoạch SX-KD được giao. Giữ mối quan hệ chặt chẽ với các Bộ, Ban ngành có liên quan trong mọi hoạt động của Tổng công ty.
- Luôn đảm bảo sự đoàn kết nhất trí giữa tập thể lãnh đạo với các tổ chức Đảng, đoàn thể phân đấu vì mục tiêu chung.
- Công tác phân tích và dự báo thị trường phân bón, hóa chất phải được chú trọng, kịp thời nắm bắt cơ hội kinh doanh.
- Xây dựng và củng cố mạng lưới tiêu thụ để nhanh chóng kiểm soát thị trường và chất lượng sản phẩm.
- Đưa thương hiệu sản phẩm DPM đến gần với bà con nông dân, là bạn của nhà nông và là thương hiệu hàng đầu trong nước cũng như khu vực.
- Chú trọng công tác đào tạo và sử dụng nhân tài, có chính sách nhân viên phù hợp để thu hút nhân tài và khuyến khích người lao động.

B - KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011

I. Nhiệm vụ

1. Vận hành Nhà máy đạm Phú Mỹ đảm bảo an toàn và hiệu quả;
2. Tổ chức triển khai kế hoạch bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ Nhà máy đạm Phú Mỹ đảm bảo hiệu quả, phấn đấu rút ngắn thời gian dừng vận hành, hạn chế thời gian gián đoạn do sự cố nhằm hoàn thành vượt mức kế hoạch về sản lượng sản xuất;
3. Đẩy mạnh sản xuất phân đạm Urê đồng thời lập kế hoạch nhập khẩu để đảm bảo đáp ứng nhu cầu phân bón của thị trường trong nước;
4. Xây dựng phương án, chuẩn bị thị trường để sẵn sàng triển khai xuất khẩu phân đạm trong trường hợp năng lực sản xuất trong nước vượt quá nhu cầu;
5. Tập trung triển khai công tác chuẩn bị nhân lực cho dịch vụ vận hành/bảo dưỡng và tiêu thụ sản phẩm của Nhà máy đạm Cà Mau;
6. Tiếp tục triển khai đầu tư hệ thống cảng, kho/cửa hàng, từng bước hoàn thiện mạng lưới kinh doanh đảm bảo phục vụ hiệu quả hoạt động phân phối, kinh doanh phân bón trên thị trường trong nước;
7. Triển khai các dự án đầu tư xây dựng cơ bản đã được duyệt theo đúng theo tiến độ.

II. Các chỉ tiêu chủ yếu

Kế hoạch sản xuất :

- Urê : 770.000 tấn,

- Bao bì : 28,3 triệu bao.

Kế hoạch kinh doanh

- | | |
|--------------------------------------|-------------------|
| 1. Urê | : 800.000 tấn. |
| 2. XNK phân bón, KD hóa chất và khác | : 320.000 tấn |
| 3. Bao bì | : 28,3 triệu bao. |

Kế hoạch Tài chính

- | | |
|-------------------------|-----------------|
| 1. Vốn điều lệ | : 3.800 tỷ đồng |
| 2. Tổng doanh thu | : 7.000 tỷ đồng |
| 3. Lợi nhuận trước thuế | : 1.570 tỷ đồng |
| 4. Lợi nhuận sau thuế | : 1.430 tỷ đồng |
| 5. Nộp NSNN | : 304 tỷ đồng |

III. Các giải pháp thực hiện kế hoạch

1. Thường xuyên đơn đốc kiểm tra hoạt động của các công ty đảm bảo hiệu quả SXKD và lợi ích của các cổ đông.
2. Vận dụng các qui chế, qui định và qui trình để đảm bảo Nhà máy vận hành ổn định, an toàn, công suất cao, sản phẩm đạt chất lượng tốt.
3. Nghiên cứu đa dạng hoá sản phẩm. Khuyến khích cải tiến công nghệ, sáng kiến hợp lý hóa sản xuất.
4. Về Công nghệ thông tin: Hoàn chỉnh hệ thống phần mềm phục vụ quản lý và sản xuất: phần mềm quản lý nguồn lực doanh nghiệp (ERP); phần mềm bản quyền, tính toán công nghệ, xây dựng thư viện điện tử, kiến thức an toàn,...
5. Phát triển hệ thống kho bãi, hoàn thiện hệ thống phân phối, phương tiện vận chuyển để đảm bảo tính chủ động, linh hoạt trong kinh doanh.
6. Tích cực tham gia thị trường xuất nhập khẩu phân bón, tăng thị phần, góp phần bình ổn thị trường phân bón trong nước.
7. Nghiên cứu phát triển mở rộng thị trường kinh doanh sản phẩm của PVFCCo sang các nước trong khu vực.
8. Liên kết với các Viện, trường Đại học về nông học để có chương trình hỗ trợ, hướng dẫn, định hướng người tiêu dùng và bà con nông dân trong việc sử dụng phân bón có hiệu quả nhất, từng bước phát triển sản phẩm dịch vụ PVFCCo.
9. Triển khai các dự án đầu tư trong và ngoài nước được duyệt. Xem xét thứ tự ưu tiên thực hiện dự án để sử dụng nguồn vốn có hiệu quả nhất. Các dự án triển khai đúng tiến độ. Đặc biệt, triển khai dự án sản xuất NPK theo hướng đẩy nhanh tiến độ, dự kiến dự án khởi công tháng 7/2011.
10. Quản lý chặt chẽ về tài chính, tăng cường kiểm soát nội bộ, kiểm soát được dòng tiền, nguồn hàng làm tăng khả năng quay vòng vốn nhằm mang lại hiệu quả kinh tế tối ưu.
11. Ổn định, hoàn thiện bộ máy tổ chức theo mô hình Công ty mẹ - con; Không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho CBCNV; Xây dựng thành công văn hóa doanh nghiệp theo tiêu thức “Hiệp tác, Kỷ cương, Chuyên nghiệp, Tiết kiệm”.
12. Duy trì sản xuất kinh doanh, đầu tư đa dạng hóa sản phẩm trên nguyên tắc tuân thủ các quy định về môi trường do luật pháp quy định; Thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của nhà máy sản xuất, đảm bảo xử lý chất thải theo đúng quy định, chỉ tiêu đăng ký.
13. Xây dựng Hệ thống thông tin quản lý toàn bộ hoạt động trong Tổng công ty để có những quyết sách kịp thời, phù hợp.

14. Thực hiện và phổ biến rộng rãi chương trình phòng chống tham nhũng, lãng phí của Bộ Công thương và của Tập đoàn.
15. Thực hiện một cách hiệu quả công tác truyền thông, tiếp thị. Thực hiện linh hoạt và kết hợp nhiều hình thức tuyên truyền với phương châm “thông tin sản phẩm đến tay và mắt của khách hàng trước khi sản phẩm đến tay khách hàng”.
16. Tăng cường sử dụng các dịch vụ trong ngành phục vụ cho các hoạt động SX-KD, ĐTXD và đào tạo của Tổng công ty.
17. Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hành tiết kiệm chống lãng phí trong toàn Tổng Công ty trên cơ sở Chương trình hành động đã đề ra. Liên tục đánh giá để có những điều chỉnh phù hợp với tình hình mới.

IV. Tình hình thực hiện kế hoạch từ 01/01/2011→28/02/2011

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch

– Sản lượng sản xuất

- + *Urê Phú Mỹ: 145.278 tấn - đạt 19% KH năm.*
- + *Bao bì: 5 triệu bao - đạt 18% KH.*

– Sản lượng nhập khẩu: 32.300 tấn, đạt 13% KH.

– Sản lượng kinh doanh

- + *Urê Phú Mỹ: 125.000 tấn - đạt 16% KH năm.*
- + *Bao bì: 5,7 triệu bao - đạt 20% KH.*
- + *XNK và KD khác: 34.000 tấn, đạt 11% KH.*

– Các chỉ tiêu tài chính

- + *Tổng doanh thu: 1,150 tỷ đồng - đạt 16% KH năm.*
- + *Lợi nhuận trước thuế (tạm tính): 375 tỷ đồng - đạt 24% KH.*
- + *Lợi nhuận sau thuế (tạm tính): 338 tỷ đồng - đạt 24% KH.*
- + *Nộp NSNN: 62 tỷ - đạt 21% KH năm.*

2. Đánh giá chung:

- Tình hình kinh tế thế giới và trong nước 2 tháng đầu năm 2011 có nhiều biến động phức tạp, giá dầu thô, tỷ giá ngoại tệ/đồng Việt Nam, giá điện, giá xăng dầu,... đều tăng (chỉ số giá tiêu dùng bình quân 02 tháng đầu năm 2011 tăng 12,24% so với cùng kỳ năm 2010 – nguồn của Tổng cục Thống kê) đã có ảnh hưởng không nhỏ đến kế hoạch SXKD của các doanh nghiệp.
- PVFCCo là đơn vị sản xuất sản phẩm chính là phân bón mang thương hiệu Đạm Phú Mỹ. Thị trường phân bón trong nước thời gian qua nhìn chung ở mức ổn định trong khi thị trường tài chính và tiền tệ liên tiếp có những biến động mang tính đột biến ảnh hưởng trực tiếp đến nhiều nhóm mặt hàng. Giá phân bón trong nước mặc dù có tăng nhưng chủ yếu do tỷ giá chưa tăng đúng mức giá so với thị trường thế giới (phân bón là mặt hàng nằm trong nhóm bình ổn giá của Chính Phủ).
- Tổng công ty sẽ có kiến nghị điều chỉnh nhiệm vụ và kế hoạch của PVFCCo cho phù hợp với tình hình kinh tế trong nước nói chung và PVFCCo nói riêng.

Phần 3 - BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM TÀI CHÍNH 2010.

Năm 2010 Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí bước vào thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh với một số nhân tố đáng lưu ý. Hội đồng quản trị khi xây dựng các mục tiêu trong hoạt động sản xuất của năm 2010 đã nhận định chung như sau:

- Về bối cảnh chung, nền kinh tế đất nước và thế giới từng bước phục hồi sau khủng hoảng, tuy nhiên những nguy cơ tiềm ẩn vẫn còn hiện diện. Xu hướng giảm giá của đồng tiền Việt Nam so với USD.
- Những diễn biến phức tạp và khó lường của sự biến đổi khí hậu là nguy cơ tác động trực tiếp đến ngành nông nghiệp, lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm phân bón của Tổng công ty.
- Về tình hình sản xuất, nguồn nguyên liệu khí được Tập đoàn Dầu khí Việt Nam ưu tiên đảm bảo cho sản xuất phân đạm, tuy nhiên lộ trình tăng giá khí cũng đã được thực hiện.

Sản phẩm chính urê “Đạm Phú Mỹ” do Tổng công ty sản xuất và các loại phân bón khác do Tổng công ty nhập khẩu, được tiêu thụ hoàn toàn trong nội địa nhưng có mối liên hệ và chịu sự tác động của nhiều yếu tố: Tình hình giá cả trên thị trường thế giới, đặc biệt là giá dầu, nhu cầu mùa vụ trong nước và chính sách vĩ mô của Nhà nước.

Với nỗ lực theo hướng hoạt động hiệu quả, an toàn, Tổng công ty đã khép lại năm 2010 với các chỉ tiêu kế hoạch cụ thể như phân báo cáo với Đại hội đồng cổ đông của Tổng giám đốc.

Với vai trò là cơ quan quản lý Tổng công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ, HĐQT đánh giá năm 2010, Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – công ty cổ phần đã hoàn thành và hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch SXKD mà ĐHĐCĐ và HĐQT đã giao.

II. BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Tổng công ty đương nhiệm gồm 5 thành viên, đã được bầu tại Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập Công ty và chấp thuận bổ sung tại các nghị quyết thông qua lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản năm 2008 và bầu thay thế tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2009, bổ nhiệm thay thế vào đầu năm 2011.

II.1. Về các phiên họp của HĐQT

Trong năm 2010, HĐQT đã làm việc chủ yếu thông qua các phiên họp định kỳ và bất thường, quyết định những nội dung quan trọng cụ thể sau đây:

1. Quý 1/2010:

- Phê duyệt và giao KH sản xuất, kinh doanh năm 2010 cho Tổng công ty.
- Phê duyệt và ban hành Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm đạm Phú Mỹ, phê duyệt định mức hao hụt urê tại nhà máy Đạm Phú Mỹ.
- Ban hành định mức vốn lưu động về hàng tồn kho và nợ phải thu.
- Quyết nghị về việc chỉ đạo, giám sát Tổng công ty triển khai các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết, quyết định của HĐQT.
- Chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc họp thường niên 2010 của Đại hội đồng cổ đông.
- Thành lập Ban chỉ đạo triển khai dự án ERP nhằm chỉ đạo Tổng công ty triển khai chuẩn bị dự án trong năm 2010 với mục tiêu đưa vào áp dụng hệ thống quản trị hiện đại ERP vào đầu năm 2011.

2. Quý 2/2010

- Phê duyệt kế hoạch đấu thầu dự án NPK.
- Ban hành Quy chế văn thư, Quy chế nâng bậc lương, Quy chế về công tác phí, định mức trang thiết bị, công cụ dụng cụ, phương tiện đi lại và các chi phí hành chính khác.
- Phê duyệt điều chỉnh cơ cấu bộ máy tổ chức quản lý.
- Phê duyệt chiến lược đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
- Quyết định mua thêm phần góp vốn tại Công ty cổ phần Quản lý và Phát triển Nhà Dầu khí Miền Nam từ 40% lên 60% vốn điều lệ (tương ứng 33 tỷ đồng).
- Chấp thuận chủ trương mua lại 42% phần vốn góp của Tổng công ty CP Tài chính Dầu khí Việt Nam tại Dự án 43 Mạc Đĩnh Chi, Q. 1, TPHCM để sở hữu 75% dự án.

3. Quý 3/2010:

- Góp vốn thành lập Công ty cổ phần bao bì dầu khí Việt Nam, tỷ lệ 19% vốn điều lệ (tương đương 4.750.000.000 đồng).
- Chi tạm ứng cổ tức đợt 1/2010, tỷ lệ 10% mệnh giá cổ phiếu.
- Chấp thuận cho Tổng công ty mua cổ phiếu quỹ với số lượng tối đa 2.000.000 cổ phần (và kết quả thực hiện sau thời hạn mua: mua được 1.352.260 cổ phiếu quỹ ngày 26/10/2010, nâng tổng số cổ phiếu quỹ lên 2.352.260 cổ phiếu).
- Thành lập ban chỉ đạo triển khai Phương án tái cấu trúc tổng thể các đơn vị thuộc TCT nhằm xây dựng và triển khai công tác tái cấu trúc các đơn vị thành viên, tăng cường hiệu quả hoạt động và tính cạnh tranh.
- Phê duyệt đề án quan hệ cổ đông nhằm tăng cường công tác trao đổi, cung cấp thông tin với cổ đông và nhà đầu tư.
- Điều chỉnh kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2010, chỉ đạo định hướng nghiên cứu đầu tư các dự án sản xuất Amoniac từ khí thiên nhiên, sản xuất Nitrat Amon.
- Chấp thuận cho Tổng công ty giao nhiệm vụ quản lý, khai thác và kinh doanh tổ hợp Trung tâm Thương mại Cửa Long cho Công ty quản lý và Phát triển nhà Dầu khí Miền Nam (PVSBĐ) thực hiện thông qua hợp đồng kinh tế, đồng thời chấp thuận chủ trương giao cho PVSBĐ cung cấp dịch vụ quản lý tòa nhà 43 Mạc Đĩnh Chi, Q.1, TPHCM của Tổng công ty sau khi công trình hoàn thành.
- Phê duyệt sửa đổi bổ sung một số điểm trong chính sách nhân viên.
- Phê duyệt sửa đổi bổ sung Quy chế đại lý tiêu thụ sản phẩm đạm Phú Mỹ
- Chấp thuận chủ trương nghiên cứu việc mua cổ phần của Công ty CP cảng quốc tế Sao Biển .

4. Quý 4/2010:

- Chấp thuận chủ trương mua lại 25% phần vốn góp của Tổng công ty Dầu Việt Nam tại Dự án 43 Mạc Đĩnh Chi, Q. 1, TPHCM để sở hữu 100% dự án.
- Thông qua đề cương xây dựng chiến lược phát triển mảng hóa chất
- Bổ nhiệm ông Cao Hoài Dương giữ chức Tổng giám đốc thay ông Phan Đình Đức
- Ban hành Quy chế phối hợp quản lý kinh doanh hóa chất
- Thông qua Phương án tái cấu trúc các đơn vị thành viên TCT
- Nghị quyết về chủ trương nghiên cứu đầu tư một số dự án hóa chất: hợp tác đầu tư dự án sản xuất hoạt chất diệt cỏ (Glyphosate), thông qua báo cáo đầu tư dự án Amoniac và chấp thuận chủ trương thuê tư vấn lập DFS dự án sản xuất amoniac.

II.2. Về Công tác quản lý, giám sát hoạt động đối với Tổng giám đốc và bộ máy điều hành.

Các thành viên HĐQT tại Tổng công ty gồm Chủ tịch HĐQT và 4 thành viên chuyên trách đã thực hiện nhiệm vụ chỉ đạo, giám sát hoạt động của Ban Điều hành thông qua:

- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp quan trọng của Ban điều hành về việc triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT, hoặc về việc chuẩn bị các đề án, dự án để trình HĐQT.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp giao ban công tác định kỳ của Ban điều hành.
- Tham dự và có ý kiến chỉ đạo trong các cuộc họp của các Hội đồng định giá sản phẩm, chính sách bán hàng, chính sách nhân viên, công tác tổ chức lao động, các cuộc họp về xây dựng và giao kế hoạch SXKD cho các đơn vị trực thuộc, báo cáo và kiểm điểm các công tác trọng điểm...
- Theo dõi và nắm bắt quá trình điều hành SXKD, thông qua các báo cáo, văn bản của Ban điều hành gửi báo cáo HĐQT.
- Trực tiếp chỉ đạo và góp ý đối với Ban điều hành trong một số vấn đề quan trọng phát sinh trong quá trình điều hành SXKD.

Hội đồng quản trị đã được tổ chức hoạt động chuyên trách, HĐQT quyết định tập thể, có sự phân công nhiệm vụ cho các Ủy viên HĐQT theo từng lĩnh vực chuyên môn. Ngoài các phiên họp định kỳ, bất thường của HĐQT, HĐQT còn thường xuyên giao ban công việc hàng tuần, hàng tháng để kiểm tra, đánh giá công việc của HĐQT và giám sát việc thực hiện của ban điều hành đối các nghị quyết, quyết định của HĐQT trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty.

HĐQT đã hướng tới các chuẩn mực quản trị công ty cổ phần, thực tế qua mỗi năm đạt kết quả tốt hơn, đáp ứng yêu cầu theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và các quy định của pháp luật. Việc giám sát, đôn đốc, kiểm tra của HĐQT đã giúp Ban điều hành tổ chức triển khai các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, hiệu quả giúp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty mỗi năm được phát triển ổn định và vượt các chỉ tiêu kế hoạch.

III.KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT TRONG NĂM 2011

Năm 2011, HĐQT dự kiến kế hoạch hoạt động như sau:

- Tiếp tục tổ chức công việc của HĐQT chuyên nghiệp, trách nhiệm nhằm tăng hiệu quả quản trị của HĐQT và hiệu quả trong điều hành của Ban điều hành.
- Chỉ đạo triển khai xây dựng bộ máy kiểm toán nội bộ, nhằm tăng cường hiệu quả của công tác phòng ngừa, hạn chế rủi ro trong hoạt động SXKD của Tổng công ty.
- Tổ chức các phiên họp thường kỳ hàng tháng.
- Tổ chức các phiên họp bất thường để giải quyết các công việc phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT.
- Các thành viên HĐQT thảo luận và thông qua các nghị quyết, quyết định bằng hình thức nghiên cứu hồ sơ, tài liệu và gửi ý kiến bằng văn bản.
- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên HĐQT theo dõi hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Nhà máy, các công ty con, hệ thống phân phối và tại bộ máy điều hành Tổng công ty theo từng lĩnh vực và mảng công việc.
- Hoàn chỉnh cơ chế quản lý công tác đại diện và quản lý phần vốn của TCT tại các công ty con phù hợp với tình hình mới sau khi tái cấu trúc.
- Triển khai công việc thực hiện nhiệm vụ chiến lược của Tổng công ty:
 - + Chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển của Tổng công ty.

- + Nghiên cứu tìm cơ hội đầu tư trong và ngoài nước.
- + Đề ra đường lối, chính sách để chỉ đạo hoạt động SXKD của năm 2011, chuẩn bị cho hoạt động SXKD cũng như đầu tư, phát triển trong giai đoạn 2011-2015 với những mục tiêu chiến lược đáp ứng tình hình mới về cục diện thị trường phân bón, hóa chất.

HDQT xác định nhiệm vụ kế hoạch công việc của HDQT trong năm 2011 trên đây theo chức năng nhiệm vụ của mình để TCT đạt được những mục tiêu quan trọng:

- Tổ chức vận hành nhà máy Đạm Phú Mỹ ổn định, an toàn và liên tục với sản lượng cao nhất. Đặc biệt, chuẩn bị chu đáo và thực hiện tốt đợt bảo dưỡng, sửa chữa lớn nhà máy.
- Tiêu thụ kịp thời và hiệu quả 800.000 tấn urê Phú Mỹ và 180.000 tấn phân bón nhập khẩu các loại, góp phần bình ổn thị trường.
- Tích cực chuẩn bị cho công tác tiêu thụ urê hạt đục Cà Mau trong nước và xuất khẩu sang thị trường Campuchia, Thailand, Philippine, Myanmar...
- Tập trung nguồn lực để triển khai một cách quyết liệt các dự án đầu tư sản phẩm phân bón và hóa chất, tiếp tục nghiên cứu đầu tư và xây dựng các nhà máy chế biến các sản phẩm từ khí: Khởi công xây dựng nhà máy sản xuất phân NPK; Hoàn thành báo cáo dự án đầu tư sản xuất Amoniac, hoạt chất diệt cỏ Glyphosate,
- Tiếp tục củng cố và phát triển hệ thống phân phối, chú trọng đầu tư phát triển mạnh mẽ hệ thống hậu cần, kho cảng, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Hoàn thiện chiến lược kinh doanh, tiếp thị - truyền thông với mục tiêu gia tăng thị phần phân bón trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu ra nước ngoài.
- Hoàn thành việc xây dựng và đưa vào hoạt động Tòa nhà văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi, Quận 1, Tp HCM đúng tiến độ và đảm bảo chất lượng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Tiến

Phần 4 - BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2010 VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

I. BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí – Công ty cổ phần và các công ty con (sau đây gọi tắt là “Tổng công ty”) đề trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã điều hành Tổng công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Bùi Minh Tiến	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Thắng	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 5 tháng 1 năm 2011)
Bà Nguyễn Thị Hiền	Phó chủ tịch (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Cao Hoài Dương	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Bùi Quang Hưng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hiền	Ủy viên
Ông Phạm Đăng Nam	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 8 tháng 2 năm 2011)
Ông Nguyễn Đức Hòa	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Cao Hoài Dương	Tổng giám đốc (bổ nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Phan Đình Đức	Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 15 tháng 11 năm 2010)
Ông Từ Cường	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đức Thành	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Văn Quốc Việt	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Văn Tòng	Phó Tổng giám đốc
Bà Chu Thị Hiền	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Vinh	Phó Tổng giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Tổng công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tòng

Phó Tổng Giám đốc

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo ("báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí - Công ty cổ phần và các công ty con ("Tổng công ty"), từ trang 4 đến trang 28. Các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng giám đốc tại trang 1 và 2, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2010 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

(đã ký và đóng dấu)

Trần Đình Nghi Hạ
Phó Tổng giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0288/KTV
Thay mặt và đại diện cho
Công ty TNHH Deloitte Việt Nam
Ngày 18 tháng 2 năm 2011
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

(đã ký)

Phạm Văn Tân
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số
0401/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 01-DN/HN
 Đơn vị: Đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	12/31/2010	31/12/2009
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.825.585.314.646	3.866.941.356.360
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	3.748.457.003.885	2.906.125.166.959
1. Tiền	111		241.082.663.003	170.207.749.959
2. Các khoản tương đương tiền	112		3.507.374.340.882	2.735.917.417.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		58.500.000.000	115.000.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	6	58.500.000.000	115.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		249.941.896.115	191.371.460.791
1. Phải thu của khách hàng	131		81.200.353.415	41.335.062.795
2. Trả trước cho người bán	132		105.082.543.350	83.320.019.604
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng x	134		1.097.519.533	-
4. Các khoản phải thu khác	135		71.898.321.766	66.838.424.756
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(9.336.841.949)	(122.046.364)
IV. Hàng tồn kho	140	7	671.348.990.597	569.253.465.178
1. Hàng tồn kho	141		674.774.862.030	569.253.465.178
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(3.425.871.433)	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		97.337.424.049	85.191.263.432
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.434.197.470	6.202.490.267
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		69.575.598.716	50.576.158.960
3. Các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	128.316.487
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		16.327.627.863	28.284.297.718
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.592.991.072.194	2.484.260.740.715
I. Tài sản cố định	220		1.719.011.531.824	1.723.752.796.976
1. Tài sản cố định hữu hình	221	8	899.119.226.532	933.331.955.781
- Nguyên giá	222		6.304.085.138.466	5.674.037.648.308
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.404.965.911.934)	(4.740.705.692.527)
2. Tài sản cố định vô hình	227	9	96.067.612.181	85.445.544.216
- Nguyên giá	228		267.944.208.238	234.588.206.555
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(171.876.596.057)	(149.142.662.339)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	10	723.824.693.111	704.975.296.979
II. Bất động sản đầu tư	240		174.124.237.914	-
- Nguyên giá	241		174.808.376.037	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(684.138.123)	-
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		370.702.872.939	453.146.885.327
1. Đầu tư vào công ty liên kết	252	12	27.111.515.018	33.651.833.567
2. Đầu tư dài hạn khác	258	13	343.591.357.921	419.495.051.760
IV. Tài sản dài hạn khác	260		329.152.429.517	307.361.058.412
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14	312.947.856.747	303.975.507.545
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		15.310.889.844	2.424.578.256
3. Tài sản dài hạn khác	268		893.682.926	960.972.611
TỔNG TÀI SẢN	270		7.418.576.386.840	6.351.202.097.075

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2010

Mẫu B 01-DN/HN

Đơn vị: Đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2010	31/12/2009
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.188.354.989.107	841.824.089.770
I. Nợ ngắn hạn	310		924.057.613.623	606.701.607.807
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	15	85.620.583.998	28.046.846.375
2. Phải trả cho người bán	312		416.918.064.870	212.392.865.643
3. Người mua trả tiền trước	313		50.107.014.681	35.340.727.884
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	16	82.058.550.255	119.207.426.978
5. Phải trả người lao động	315		52.998.893.642	41.033.955.112
6. Chi phí phải trả	316	17	187.269.781.984	102.120.131.696
7. Phải trả nội bộ	317		6.897.966.116	5.842.233.321
8. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	18	15.465.930.518	15.216.596.433
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		26.720.827.559	47.500.824.365
II. Nợ dài hạn	330		264.297.375.484	235.122.481.963
1. Phải trả dài hạn khác	333		1.754.838.195	1.302.414.109
2. Vay và nợ dài hạn	334	19	246.087.577.105	216.974.174.175
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		10.289.578.433	10.424.216.360
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		6.045.381.751	6.421.677.319
5. Quỹ khoa học và phát triển công nghệ	339		120.000.000	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		6.193.758.946.548	5.487.903.530.694
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	6.193.758.946.548	5.487.903.530.694
1. Vốn điều lệ	411		3.800.000.000.000	3.800.000.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		257.121.998	209.233.309
3. Cổ phiếu quỹ	414		(83.277.130.627)	(43.296.089.299)
4. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(3.530.148.052)	(1.915.614.125)
5. Quỹ đầu tư phát triển	417		849.893.623.484	302.757.044.494
6. Quỹ dự phòng tài chính	418		341.712.214.445	201.745.548.833
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		342.595.703	229.923.506
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		1.288.360.669.597	1.228.173.483.976
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	21	36.462.451.185	21.474.476.611
TỔNG NGUỒN VỐN	440		7.418.576.386.840	6.351.202.097.075

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Tòng**Phó Tổng giám đốc**

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

(Đã ký)

Huỳnh Kim Nhân**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2010	2009
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		6.648.640.613.834	6.673.931.326.245
2. Các khoản giảm trừ	02		29.856.615.416	43.870.483.498
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	22	6.618.783.998.418	6.630.060.842.747
4. Giá vốn hàng bán	11	22	4.236.094.827.903	4.644.816.371.488
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		2.382.689.170.515	1.985.244.471.259
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	343.091.652.535	181.197.706.742
7. Chi phí hoạt động tài chính	22	23	81.034.462.821	80.671.774.691
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>8.349.710.449</i>	<i>8.315.661.236</i>
8. Chi phí bán hàng	24		331.845.387.469	293.839.472.451
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		409.858.160.584	285.306.226.584
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		1.903.042.812.176	1.506.624.704.275
11. Thu nhập khác	31		36.976.544.576	19.592.149.261
12. Chi phí khác	32		23.189.419.751	9.165.362.392
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		13.787.124.825	10.426.786.869
14. Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết	45		4.811.771.816	2.651.833.567
15. Lợi nhuận trước thuế	50		1.921.641.708.817	1.519.703.324.711
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	24	227.514.762.210	163.847.740.850
17. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại	52		12.742.158.051	4.571.701.620
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.706.869.104.658	1.351.283.882.241
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	21	3.693.114.240	2.979.759.801
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		1.703.175.990.418	1.348.304.122.440
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	4.499	3.557

(Đã ký và đóng dấu)

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tòng**Phó Tổng giám đốc**

Ngày 18 tháng 2 năm 2011

Huỳnh Kim Nhân**Kế toán trưởng**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010

MẪU B 03-DN/HN

Đơn vị: Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	2010	2009
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	1.921.641.708.817	1.519.703.324.711
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	687.289.914.263	1.038.124.867.525
Các khoản dự phòng	03	12.640.667.018	(633.652.535.683)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	04	10.065.177.076	3.440.803.744
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(336.133.158.164)	(173.124.399.249)
Chi phí lãi vay	06	8.349.710.449	15.593.584.232
3. Lưu chuyển tiền thuần trước thay đổi vốn lưu động	08	2.303.854.019.459	1.770.085.645.280
Giảm các khoản phải thu	09	682.311.075.305	395.448.673.742
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(103.524.001.292)	1.175.829.891.837
Tăng/(giảm) các khoản phải trả	11	422.034.550.219	(117.518.950.081)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước và tài sản khác	12	(11.134.545.308)	65.189.928.397
Lãi vay đã trả	13	(741.113.951)	(15.568.240.432)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(263.335.917.897)	(50.936.978.402)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(88.261.697.835)	(67.364.056.704)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.941.202.368.700	3.155.165.913.637
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(992.475.769.486)	(759.341.248.206)
2. Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	12.295.946.922	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(135.000.000.000)
4. Tiền thu hồi các khoản đầu tư	24	-	30.000.000.000
5. Chi đầu tư dài hạn	25	(616.059.797.280)	(253.761.002.553)
6. Thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	330.800.873.221	155.537.789.732
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.265.438.746.623)	(962.564.461.027)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	(39.981.041.328)	(8.243.245.724)
2. Vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	126.129.516.996	1.140.999.781.645
3. Trả nợ gốc vay	34	(49.507.553.519)	(906.489.731.027)
4. Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(870.072.707.300)	(453.518.327.036)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(833.431.785.151)	(227.251.522.142)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	842.331.836.926	1.965.349.930.468
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	2.906.125.166.959	942.714.032.012
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	-	(1.938.795.521)
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối năm	70	3.748.457.003.885	2.906.125.166.959

Tiền chi để mua tài sản cố định trong năm không bao gồm số tiền 44.141.948.337 đồng là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định mà chưa được thanh toán và bao gồm 105.395.594.791 đồng là giá trị tài sản mua năm trước nhưng thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

(Đã ký và đóng dấu)
Nguyễn Văn Tông
Phó Tổng giám đốc
Ngày 18 tháng 2 năm 2011

(Đã ký)
Huỳnh Kim Nhân
Kế toán trưởng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT:
Xin vui lòng xem đầy đủ tại Báo cáo thường niên năm 2011

II. PHƯƠNG ÁN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

TỜ TRÌNH

V/v: Phương án phân phối lợi nhuận

Căn cứ quy định tại Điều 13 của Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Phương án phân phối lợi nhuận với nội dung như sau:

Stt	Chỉ tiêu	Công thức tính	Phân phối lợi nhuận năm 2010 (đ)
1	Lợi nhuận năm 2009 chuyển sang		39,630,554,203
2	Lợi nhuận sau thuế năm 2010 dùng để phân phối	$(2=2.1-2.2-2.3)$	1,696,523,126,247
2.1	Lợi nhuận sau thuế theo BCTC 2010		1,703,175,990,418
2.2	Lợi nhuận từ công ty liên doanh, liên kết năm 2010 chưa nhận được		4,811,771,816
2.3	Lợi nhuận để lại các công ty cổ phần trích lập các quỹ		1,841,092,355
3	Trích lập các quỹ từ LNST 2010	$(3=3.1+3.2+3.3+3.4)$	949,785,032,061
3.1	Trích quỹ dự phòng tài chính	$(3.1=2*10\%)$	169,652,312,625
3.2	Trích quỹ đầu tư phát triển	$(3.2=2*35\%)$	593,783,094,187
3.3	Trích quỹ KT-PL, thưởng ban điều hành Tổng công ty	$(3.3=2*5\%)$	84,826,156,312
3.3.1	Quỹ phúc lợi		41,564,816,593
3.3.2	Quỹ khen thưởng		41,564,816,593
3.3.3	Quỹ khen thưởng ban điều hành		1,696,523,126
3.4	Trích quỹ khen thưởng bổ sung phần lợi nhuận vượt KH		101,523,468,937
3.4.1	Phần vượt từ 0-10% lợi nhuận (trích 5% LN vượt)		4,635,000,000
3.4.2	Phần vượt từ 10-20% lợi nhuận (trích 10% LN vượt)		9,270,000,000
3.4.3	Phần vượt trên 20% lợi nhuận (trích 15% LN vượt)		87,618,468,937
4	Lợi nhuận năm 2010 sau khi trích lập các quỹ	$(4=2-3)$	746,738,094,187
5	Tổng lợi nhuận năm 2009 và 2010 dành chia cổ tức	$(5=1+4)$	786,368,648,389
6	Chia cổ tức (bằng tiền mặt)	$(6=(380\text{tr}-2.3\text{tr})*10000*20\%)$	755,295,480,000
	Cổ tức trên mỗi CP (VNĐ/CP)		2,000
7	Lợi nhuận chuyển sang năm 2011	$(7=5-6)$	31,073,168,389

Tổng công ty đã thực hiện chi trả tạm ứng cổ tức bằng tiền đợt 1 là 10%/mệnh giá. Nếu Phương án được thông qua sẽ chi tiếp cổ tức bằng tiền 10%/mệnh giá ngay sau Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Tiến

Phần 5 - BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

I. HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2010

1. Tổ chức của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP do Đại hội đồng cổ đông bầu gồm 3 thành viên trong đó có 2 thành viên chuyên trách và một thành viên kiêm nhiệm, có nhiệm kỳ 5 năm.

Ban Kiểm soát hoạt động theo quy định của pháp luật, Điều lệ của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP được Đại hội đồng cổ đông thành lập công ty thông qua ngày 30 tháng 6 năm 2007 và sửa đổi bổ sung tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 5 tháng 4 năm 2008.

2. Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2010

2.1. Các hoạt động kiểm tra giám sát thường xuyên:

Kiểm tra giám sát việc thực thi Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) năm 2010, giám sát công tác quản lý, tổ chức điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty. Tham gia các cuộc họp triển khai hoạt động sản xuất kinh doanh. Kiểm soát việc tuân thủ pháp luật, Điều lệ Tổng công ty trong quá trình ra quyết định và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh;

2.2. Các hoạt động kiểm tra giám sát định kỳ:

Tổ chức họp định kỳ phân công nhiệm vụ cho từng thành viên, thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, năm; thẩm định báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo công tác quản lý; kết hợp cùng với Ban Kiểm toán nội bộ và các Ban chức năng thực hiện các cuộc kiểm tra hoạt động sản xuất - kinh doanh của Tổng công ty; kiểm tra việc tuân thủ các quy chế kiểm tra kiểm soát nội bộ của Tổng công ty tại các đơn vị trực thuộc; tham gia làm việc với Đoàn thanh tra của Bộ Tài chính về việc chấp hành quy định về giá, thuế; tham gia làm việc với Đoàn Kiểm toán nhà nước thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính niên độ 2009.

2.3. Giám sát việc thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông của Tổng công ty:

Để thực hiện kế hoạch năm 2010 được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 16 tháng 4 năm 2010, Tổng công ty đã tái cơ cấu bộ máy tổ chức, tăng cường công tác xây dựng hệ thống tiêu thụ, triển khai dự án ERP. Tổng công ty đã thực hiện tái cấu trúc các công ty con - chuyển từ mô hình công ty TNHH 1TV sang công ty 100% vốn do Tổng công ty nắm giữ cổ phần chi phối nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sử dụng vốn. Ngày 15/11/2010 có sự thay đổi nhân sự cấp cao (Tổng giám đốc) và các thủ tục đã được thực hiện theo quy định.

Tổng công ty đã thực hiện bổ sung ngành nghề kinh doanh, chi trả cổ tức đợt cuối năm 2009 là 13%/mệnh giá. Căn cứ và kết quả sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã quyết định tạm chi cổ tức đợt 1 năm 2010 là 10% trên mệnh giá tương đương 1.000 đồng/cổ phần (Nghị quyết số 149/NQ-PBHC ngày 29 tháng 7 năm 2010).

Trong năm 2010, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã thông qua đề cương xây dựng chiến lược mảng hóa chất, phối hợp với Bộ Công thương, Nông nghiệp & Phát triển nông thôn và Hiệp hội phân bón Việt Nam tổ chức Hội nghị quốc gia quy hoạch và phát triển sản xuất, nhập khẩu phân bón chất lượng cao, phân hữu cơ và phân chuyên dùng đến năm 2020.

Kết quả hoạt động như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	KH năm 2010	TH năm 2010	TH/KH
1. Sản lượng sản xuất				
- Ure Phú Mỹ	Tấn	740.000	807.129	109 %
- Amoniac dư	Tấn	25.000	28.252	113 %
- Bao bì	Nghìn bao	27.000	27.587	102%
2. Sản lượng kinh doanh				
- Ure Phú Mỹ	Tấn	750.000	806.152	107 %
- Amoniac dư	Tấn	25.000	24.605	98 %
- Bao bì	nghìn bao	27.000	27.220	101 %
- XNK phân bón, kinh doanh khác	Tấn	254.000	263.334	103%
3. Các chỉ tiêu tài chính				
- Tổng doanh thu	Tỷ đ	5.646	6.998	124 %
- Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đ	1.007	1.922	191 %
- Lợi nhuận sau thuế TN DN	Tỷ đ	927	1.703	184 %

2.4. Đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc:

Ban Kiểm soát nhận thấy Báo cáo của Hội đồng quản trị, Báo cáo của Tổng giám đốc Tổng công ty đã phản ánh trung thực và đầy đủ về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2010 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất dầu khí. Hoạt động quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc bám sát nghị quyết và kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, mang lại lợi ích cho cổ đông. Quá trình ra quyết định, của Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã tuân thủ Điều lệ hoạt động của Tổng công ty, quy định pháp luật và phù hợp với chiến lược phát triển của Tổng công ty.

Trong quá trình thực hiện chức năng - nhiệm vụ theo luật định, Ban Kiểm soát nhận được sự hỗ trợ từ Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các đơn vị; được cung cấp tài liệu, số liệu và các bằng chứng của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và các thông tin cần thiết.

2.5. Kiến nghị

Mặc dù phải đối diện với nhiều khó khăn, nhất là nửa đầu của năm 2010 nhưng Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm 2010. Tuy nhiên, để đảm bảo sự tăng trưởng bền vững và thực hiện chiến lược phát triển của Tổng công ty, Ban kiểm soát có một số kiến nghị sau:

- Tiếp tục rà soát, tái cấu trúc và hoàn thiện bộ máy tổ chức theo hướng tinh, gọn; phân cấp rõ ràng và giảm thiểu các khâu trung gian hành chính.
- Xây dựng chiến lược kinh doanh có lộ trình, có mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn khi có sự thay đổi cơ bản về điều kiện cạnh tranh trong giai đoạn tới; các chính sách bán hàng phải phù hợp với sự biến động và quy luật thị trường.
- Thực hiện quyết toán kịp thời các công trình đầu tư xây dựng cơ bản đã hoàn thành để đảm bảo ghi nhận chính xác giá trị công trình và việc xác định khấu hao đúng thời điểm.

- Đẩy nhanh tiến độ triển khai, thực hiện các dự án để đảm bảo tận dụng được các lợi thế cạnh tranh hiện có. Cần đầu tư nhiều hơn nữa cho công tác nghiên cứu - phát triển để nâng cao chất lượng và gia tăng giá trị cho các sản phẩm nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh của Tổng công ty trong giai đoạn tới.
- Hiện nay Tổng công ty đang trong giai đoạn thực hiện tái cấu trúc một cách quyết liệt. Để phù hợp và đảm bảo yêu cầu công tác kiểm soát sau chuyển đổi, đề nghị ĐHĐCĐ ủy quyền cho Ban Kiểm soát Tổng công ty rà soát sửa đổi và ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát.

II. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2011

- Giám sát việc chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2011 và Điều lệ Tổng công ty.
- Giám sát việc quản lý, tổ chức điều hành hoạt động, quản lý tài chính và đầu tư của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc Tổng công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính; các báo cáo quản lý, điều hành của Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc.
- Giám sát, kiểm tra việc thực hiện các quy chế/quy định quản lý trong Tổng công ty.
- Thực hiện các công việc khác của Ban kiểm soát theo quy định hiện hành

III. LỰA CHỌN ĐƠN VỊ KIỂM TOÁN CHO NĂM TÀI CHÍNH 2011:

Để đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về việc công bố thông tin trên Sở giao dịch chứng khoán TP HCM, Ban kiểm soát Tổng công ty kiến nghị ĐHĐCĐ chấp thuận lựa chọn **Công ty TNHH Deloitte Việt Nam** thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2011 với mức phí kiểm toán không quá 57.000 USD.

Trân trọng.

**T/M BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

Trần Thị Phương Thảo

Phần 6- BÁO CÁO TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT

I/ BÁO CÁO THỰC HIỆN NĂM 2010:

1- Hội đồng quản trị:

- Tiền lương, lương bổ sung của Chủ tịch HĐQT chuyên trách và 04 UV HĐQT chuyên trách (5 người) là : 3.959.469.292đ
- Các khoản thưởng từ quỹ khen thưởng là: 1.523.456.868đ
- Các khoản thưởng từ quỹ phúc lợi là: 67.800.000đ

Cộng HĐQT 5.550.726.160đ

2- Ban Kiểm soát:

- Tiền lương, lương bổ sung của Trưởng ban KS và 01 thành viên BKS chuyên trách là: 1.088.080.871đ
- Thù lao 01 thành viên BKS không chuyên trách: 36.000.000đ
- Các khoản thưởng từ quỹ khen thưởng là: 368.216.238đ
- Các khoản thưởng từ quỹ phúc lợi là: 28.000.000đ

Cộng BKS 1.520.297.109đ

Tổng cộng HĐQT, BKS 2010 là: 7.071.023.269đ

II/ KẾ HOẠCH NĂM 2011:

1- Hội đồng quản trị:

- Tiền lương, lương bổ sung của Chủ tịch HĐQT chuyên trách, 01 UV HĐQT kiêm TGD và 3 UV HĐQT chuyên trách (5 người) là : 3.030.289.000đ
- Các khoản thưởng từ quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 1.622.200.000đ

Cộng 4.652.489.000đ.

- Dự phòng 10% là: 465.249.000đ

T.Cộng HĐQT KH 2011 5.117.738.000đ

2- Ban Kiểm soát:

- Tiền lương, lương bổ sung của Trưởng ban KS và 01 thành viên BKS chuyên trách là : 827.619.000đ
- Thù lao 01 thành viên BKS không chuyên trách: 36.000.000đ
- Các khoản thưởng từ quỹ khen thưởng, phúc lợi là: 375.200.000đ

Cộng 1.238.819.000đ

- Dự phòng 10% là: 123.882.000đ

T.Cộng BKS 1.362.701.000đ

Tổng cộng HĐQT, BKS KH 2011 là: 6.480.439.000đ

Kính báo cáo và kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Tiến

Phần 7 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC PHÊ CHUẨN QUYẾT ĐỊNH BỔ NHIỆM TỔNG GIÁM ĐỐC, THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

TỜ TRÌNH

V/v: Phê chuẩn quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc và thành viên Hội đồng quản trị

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP**

Căn cứ quy định tại Điều lệ Tổng công ty về quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn quyết định bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty như sau:

Năm 2010, HĐQT của Tổng công ty, theo kết quả bầu cử hợp lệ tại các phiên họp Đại hội đồng cổ đông, gồm các ông/bà sau:

1. Ông Nguyễn Xuân Thắng – Chủ tịch HĐQT.
2. Ông Nguyễn Đức Hòa – Thành viên.
3. Bà Nguyễn Thị Hiền – Thành viên.
4. Ông Phạm Đăng Nam – Thành viên.
5. Ông Bùi Quang Hưng – Thành viên.

Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, đại diện chủ sở hữu phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đã gửi các văn bản giới thiệu người đại diện để bầu thay thế vào Hội đồng quản trị và bổ nhiệm Tổng giám đốc như sau:

- Ngày 15/11/2010, giới thiệu ông Cao Hoài Dương, Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn để bổ nhiệm giữ chức Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP, thay ông Phan Đình Đức kể từ ngày 15/11/2010.
- Ngày 31/12/2010, giới thiệu ông Bùi Minh Tiến, Phó Tổng giám đốc Tổng công ty Khí Việt Nam để bổ nhiệm giữ chức thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP, thay ông Nguyễn Xuân Thắng kể từ ngày 04/01/2011.
- Ngày 29/01/2011, giới thiệu để bổ nhiệm ông Cao Hoài Dương giữ chức thành viên Hội đồng quản trị thay ông Phạm Đăng Nam kể từ ngày 08/02/2011.

Căn cứ quy định tại Khoản 6, Điều 24 Điều lệ Tổng công ty, xét điều kiện tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị và hồ sơ cá nhân của ứng cử viên, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ra các quyết định bổ nhiệm các ông nêu trên (với thông tin lý lịch cá nhân kèm theo) giữ các chức vụ như trên.

Nay tại kỳ họp thường niên, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê chuẩn các quyết định bổ nhiệm (hiệu lực kể từ ngày quyết định).

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Tiến

**TÓM TẮT THÔNG TIN LÝ LỊCH
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ & TỔNG GIÁM ĐỐC**

1. Ông Bùi Minh Tiến

- | | | |
|------------------------|---|---------------------|
| - Năm sinh: | 1969 | Giới tính: Nam |
| - Dân tộc: | Kinh | Quốc tịch: Việt Nam |
| - Nơi sinh: | Hà Nội | |
| - Trình độ văn hóa: | 10/10 | |
| - Trình độ chuyên môn: | Kỹ sư vật lý, Thạc sĩ quản trị kinh doanh | |

- Quá trình công tác:

- Từ T4/1991-3/1993: Nhân viên Phòng Kinh tế kỹ thuật, XNLH Xây lắp Dầu khí (Nay là Công ty thiết kế và Xây dựng Dầu khí);
- Từ T4/1993-5/1995: Thư ký Tổng giám đốc, XNLH Xây lắp Dầu khí, Bí thư Đoàn TN;
- Từ T6/1995-6/1996: Phó Phòng Tổ chức Hành chính, XN Thiết kế, Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí;
- Từ T7/1996-7/1998: Thư ký Phó Tổng giám đốc, Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam;
- Từ T8/1998-2/2002: Trưởng Phòng Kế hoạch - Thương mại, Phó Chủ tịch Công đoàn, Công ty Tư vấn Đầu tư xây dựng Dầu khí;
- Từ T2/2002-6/2003: Phó Phòng Kinh doanh - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP khí;
- Từ T6/2003-5/2007: Trưởng Phòng Kinh doanh - Công ty Chế biến và Kinh doanh SP khí;
- Từ T5/2007 - 12/2010: Phó Tổng giám đốc - Tổng công ty Khí Việt Nam;
- Từ 01/2011 cho đến nay: Chủ tịch HĐQT Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

2. Ông Cao Hoài Dương

- | | | | |
|------------------------|---------------------------|------------|----------|
| - Năm sinh: | 1972 | Giới tính: | Nam |
| - Dân tộc: | Kinh | Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Nơi sinh: | Thanh Hóa | | |
| - Trình độ văn hóa: | 10/10 | | |
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ ngành lọc hóa dầu | | |

- Quá trình công tác:

- Từ T6/1993-5/1995: Chuyên viên phòng KHCNMT Tổng Công ty Dầu khí Việt Nam;
- Từ T5/1995-7/1997: Học Thạc sỹ tại Trường ĐHTH New South Wales, Sydney, Australia;
- Từ T7/1997-6/2001: Chuyên viên phòng Chế biến Dầu khí TCT DKVN;
- Từ T6/2001-6/2004: Phó trưởng phòng, Phụ trách phòng Kỹ thuật Ban LHD Nghi Sơn;
- Từ T6/2004-8/2006: Trưởng phòng Kỹ thuật Ban LHD Nghi Sơn;
- Từ T8/2006-1/2007: Phó Trưởng ban LHD Nghi Sơn;
- Từ T1/2007-5/2008: Trưởng Ban, Bí thư chi bộ Ban LHD Nghi Sơn;
- Từ T5/2008-11/2010: Phó Tổng giám đốc, cấp ủy viên Chi bộ Ban LHD Nghi Sơn;
- Từ 15/11/2010: Tổng giám đốc Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP;
- Từ 8/02/2011: kiêm Ủy viên HĐQT Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí.

Phần 8 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC SỬA ĐỔI BỔ SUNG ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi bổ sung Điều lệ của Tổng công ty

Kính gửi: **Đại hội đồng cổ đông**
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP

Nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của Tổng công ty, Hội đồng quản trị Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt sửa đổi, bổ sung một số điều trong Điều lệ Tổng công ty như sau:

1. Sửa đổi điều khoản về trụ sở chính (khoản 2, điều 2):

“Địa chỉ trụ sở chính: Số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh”

Lý do: Tổng công ty đang triển khai dự án đầu tư tòa nhà văn phòng tại số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh và dự kiến hoàn thành công trình đưa vào hoạt động từ tháng 7/2011. Tổng công ty sẽ chuyển trụ sở chính từ tòa nhà Gemadept, số 2bis-4-6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, Quận 1, TP HCM về tòa nhà số 43 Mạc Đĩnh Chi, phường Đa Kao, quận 1, TP Hồ Chí Minh.

2. Sửa đổi điều khoản về ngành nghề kinh doanh:

Điều 3. Khoản 1. Ngành nghề kinh doanh của TCT:

“Sản xuất, kinh doanh phân bón, amoniắc lỏng, khí công nghiệp, các sản phẩm hoá chất khác, các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hoá chất khác có liên quan; sản xuất và kinh doanh điện; kinh doanh các dịch vụ vận tải, kho bãi, đào tạo, đầu tư tài chính; kinh doanh bất động sản, nông lâm sản; đầu tư chế biến, vận chuyển, phân phối các sản phẩm dầu khí và khoáng sản khác; dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ cảng biển, cảng sông, bến tàu, cầu tàu; kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật”

Sau lần đăng ký điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 8 (thay đổi Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật), Sở Kế hoạch – Đầu tư TPHCM đã ghi lại tên ngành nghề kinh doanh của Tổng công ty để chuẩn hóa theo bảng mã ngành kinh tế quốc dân do Nhà nước ban hành. Do vậy, ngành nghề kinh doanh ghi trong Điều lệ TCT được điều chỉnh tương ứng tại Khoản 1, Điều 3 như sau:

- Sản xuất phân bón, amoniắc lỏng;
- Kinh doanh phân bón, amoniắc lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hoá chất khác (bán buôn);
- Các dịch vụ kỹ thuật trong sản xuất kinh doanh phân bón và các sản phẩm hoá chất có liên quan;
- Sản xuất và kinh doanh điện;
- Kinh doanh bất động sản;
- Mua bán hàng nông – lâm sản;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa;
- Chế biến các sản phẩm dầu khí;
- Chế biến khoáng sản;
- Đào tạo nghề;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Bốc xếp hàng hóa cảng biển, bốc xếp hàng hóa cảng sông;

- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển;
- Lưu giữ hàng hóa;
- Sản xuất các sản phẩm hóa chất khác;
- Sản xuất khí công nghiệp;
- Kinh doanh phân bón, amoniac lỏng, khí công nghiệp và các sản phẩm hóa chất khác (bán lẻ).

3. Bổ sung vào điều khoản về Chủ tịch Hội đồng quản trị:

Điều 26 Điều lệ quy định về nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị. Để giúp Chủ tịch tổ chức, điều hành công việc của Hội đồng quản trị hiệu quả hơn, TCT đề xuất quy định bổ sung chức danh Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị để giúp Chủ tịch Hội đồng quản trị tổ chức, điều hành công việc của Hội đồng quản trị theo phân cấp, ủy quyền của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

4. Sửa đổi, bổ sung vào các điều khoản khác:

Bổ sung vào **Điều 17** về thể thức tiến hành lấy ý kiến ĐHĐCĐ bằng văn bản: Bổ sung quy định rằng, “khi Tổng công ty lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, quá thời hạn gửi văn bản ý kiến nếu Tổng công ty không nhận được ý kiến của cổ đông thì được xem là cổ đông đó có ý kiến tán thành nội dung lấy ý kiến”. Quy định này nhằm khuyến khích cổ đông thực hiện đúng trách nhiệm của mình, đồng thời để đảm bảo chặt chẽ về thủ tục lấy ý kiến theo khuyến cáo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tại công văn số 3170/UBCK-QLPH ngày 05/10/2010 (đính kèm).

Hội đồng quản trị Tổng công ty kính trình ĐHĐCĐ chấp thuận.

Trân trọng.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Bùi Minh Tiến

Phần 9 – TỜ TRÌNH VỀ VIỆC CẬP NHẬT CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA TỔNG CÔNG TY

TỜ TRÌNH

Về cập nhật một số chỉ tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2015, tầm nhìn đến 2025.

**Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông
Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP**

Căn cứ Chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2015 và tầm nhìn đến năm 2025 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại phiên họp thường niên năm 2008;

Căn cứ tình hình triển khai Chiến lược từ 2008 đến 2010, Hội đồng quản trị đã nghiên cứu và đề xuất một số nội dung cập nhật cho phù hợp với giai đoạn năm 2011-2015 của Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí – CTCP.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các nội dung cập nhật một số chỉ tiêu, nhiệm vụ trong chiến lược phát triển Tổng công ty đến năm 2015, tầm nhìn đến 2025 như nội dung chi tiết kèm theo như sau:

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
I. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN. 1. <u>Quan điểm:</u> Phát triển tăng tốc, bền vững, hiệu quả và an toàn. 2. <u>Nguyên tắc:</u> - Lấy lĩnh vực sản xuất, kinh doanh phân bón và hóa chất làm định hướng phát triển chủ đạo của Công ty, trên cơ sở duy trì tối đa năng lực sản xuất, kinh doanh hiện có (đạm urê, amoniac và độn) và phát triển nhanh năng lực sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực phân bón và hóa chất. - Phát huy nội lực kết hợp với mở rộng hợp tác đầu tư sang các lĩnh vực, ngành nghề khác nhằm phân tán rủi ro, khai thác và sử dụng hiệu quả những lợi thế và cơ hội do nền kinh tế cũng như do sự phát triển của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam mang lại cho Công ty.	I. QUAN ĐIỂM VÀ NGUYÊN TẮC PHÁT TRIỂN. 1. Quan điểm <i>Phát triển tăng tốc, tối ưu, bền vững và nhân văn</i> 2. Nguyên tắc - Sản xuất và kinh doanh phân bón là chủ đạo, hóa chất là quan trọng; - Sản phẩm có giải pháp sử dụng và gắn bó với người tiêu dùng; - Tối ưu năng lực sản xuất hiện có, phát triển nhanh năng lực sản xuất kinh doanh, dịch vụ phân bón và kinh doanh, dịch vụ hóa chất; - Phát huy nội lực và hợp tác, liên kết đầu tư nhằm chia sẻ rủi ro và khai thác các lợi thế, cơ hội.

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
Điều chỉnh: - Quan điểm: tối ưu và nhân văn - Nguyên tắc: + Kinh doanh phân bón chủ đạo, hoá chất là quan trọng + Sản phẩm có giải pháp sử dụng gắn với người tiêu dùng	Lý do: - Xác định phân bón là lĩnh vực kinh doanh chủ lực của PVFCCo. - Nâng cao hình ảnh của PVFCCo thông qua tiếp cận với người tiêu dùng.
II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 1. Mục tiêu tổng quát: <i>Phát triển Công ty Cổ phần Phân đạm và Hóa chất Dầu khí thành doanh nghiệp mạnh, sản xuất kinh doanh đa ngành, đứng đầu trong cả nước và hàng đầu trong khu vực về phân bón hóa chất.</i>	II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 1. Mục tiêu tổng quát: <i>Phát triển PVFCCo. trở thành doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh phân bón hàng đầu trong nước; là một trong những nhà sản xuất, phân phối lớn của Việt Nam và lớn nhất trong Tập đoàn DKVN trong lĩnh vực hoá chất chuyên dụng cho ngành dầu khí và hoá chất nông nghiệp.</i>
Các mục tiêu đạt được đến năm 2015.	Các mục tiêu đạt được đến năm 2015.
a. Sản xuất - Sản xuất và tiêu thụ sản phẩm Urê của nhà máy Đạm Phú Mỹ: 800.000 tấn. Sản xuất và tiêu thụ 30.000 tấn Melamine (xuất khẩu 95%). - Triển khai theo tiến độ các dự án sản xuất Axit Sulphuric, Sulfat Amon (SA). - Sản xuất và tiêu thụ: 100.000 tấn/năm SA, 120.000 tấn axit Sulphuric (H₂SO₄). - Vận hành dự án sản xuất 300.000 tấn DAP.	a. Sản xuất - Vận hành hiệu quả, ổn định nhà máy Đạm Phú Mỹ (800.000 tấn/năm), NPK Phú Mỹ (400.000 tấn/năm), nhà máy sản xuất Amoniac (450.000 tấn/năm), dự án sản xuất H₂O₂ 30.000 tấn/năm, Glyphosate 20.000 tấn/năm) - Sản lượng sản xuất bao bì tăng dần qua các năm nhằm đáp ứng nhu cầu bao bì cho phân bón, hóa chất và nhu cầu kinh doanh của PVFCCo., đến năm 2015 sản xuất 53,2 triệu bao/năm.
Điều chỉnh: - Bỏ dự án sản xuất Axit Sulphuric, Sulfat Amon, DAP - Bổ sung dự án tăng năng lực sản xuất bao bì	Lý do: - Điều chỉnh chiến lược phát triển mảng hoá chất cho phù hợp với thay đổi của thị trường và thế mạnh của PVFCCo: tập trung mảng hoá chất chuyên dụng ngành dầu khí và hoá chất nông nghiệp. - Mở rộng sản xuất bao bì để phục vụ cho dự án phân bón, hóa chất mới.

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
b. Kinh doanh - Nhập khẩu Urê 300.000 -500.000 tấn/năm, đáp ứng 60%-70% thị phần phân Urê trong nước. - Xây dựng, khai thác, sử dụng hệ thống kho bãi trung chuyển tại các vùng miền. - Hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp khác: giao nhận, vận chuyển, đào tạo nhân lực cho ngành Hóa dầu, phân phối sản phẩm... - Kinh doanh hóa chất cơ bản: cung cấp cho các nhà máy lọc hóa dầu và các ngành công nghiệp khác. - Hoạt động sản xuất kinh doanh trực tiếp khác: dịch vụ giao nhận, vận chuyển, đào tạo nhân lực cho ngành Hóa dầu, phân phối sản phẩm...	b. Kinh doanh - Kinh doanh sản phẩm phân Urê do PVFCCo. sản xuất và nhập khẩu đảm bảo đáp ứng 50-60% thị phần phân Urê trong nước; sau năm 2013 kinh doanh đáp ứng nhu cầu trong nước, xuất khẩu và thực hiện nhiệm vụ bình ổn giá khi được yêu cầu. - Tiêu thụ hết 1,6 triệu tấn/năm Urê của nhà máy Đạm Phú Mỹ và Cà Mau. Kinh doanh NPK do PVFCCo sản xuất và nhập khẩu đáp ứng từ 10 - 15% thị phần trong nước giai đoạn từ sau năm 2013. - Đến năm 2015 hình thành hệ thống phân phối bao gồm 100 đại lý, 120 cửa hàng trên cả nước và 10 đại lý, 20 cửa hàng tại Campuchia và khu vực lân cận. - Đến năm 2015 lĩnh vực kinh doanh hóa chất của PVFCCo. đạt được các mục tiêu: + Chiếm 20 - 30% thị phần hoá chất chuyên dụng cho khâu đầu và khâu sau của ngành dầu khí. + Chiếm 7 - 10% thị phần hoá chất nông nghiệp (màng phân bón lá, thuốc bảo vệ thực vật...). + Doanh số lĩnh vực sản xuất hoá chất đạt hơn 1.000 tỷ VNĐ trong năm 2015.
Điều chỉnh: - <i>Cụ thể hoá chiến lược kinh doanh hoá chất.</i> - <i>Nhập khẩu Urê chỉ tiến hành cho đến năm 2012 khi nhà máy Đạm Cà Mau và Ninh Bình đi vào hoạt động</i> - <i>Xây dựng hệ thống phân phối trên toàn quốc và lân cận (Campuchia)</i>	Lý do: - <i>Nhà máy Đạm Cà Mau và một số nhà máy mới khác sẽ bổ sung cho phần thiếu hụt của thị trường</i> - <i>Cần tăng cường năng lực cạnh tranh trong nước và hướng ra thị trường nước ngoài khi sản xuất trong nước cung sẽ vượt cầu.</i>
c. Đầu tư-góp vốn - Dự án tòa nhà văn phòng tại TPHCM - Dự án sản xuất Melamine 30.000 tấn/năm - Dự án sản xuất Axit Sulphuric 120.000 tấn/năm - Dự án sản xuất Suflat Amon 100.000 tấn/năm - Nhà máy sản xuất DAP 300.000 tấn/năm - Nhà máy bao bì (công ty tham gia 36%) - Dự án hóa dầu miền Nam giai đoạn 1 (công ty tham gia 10%) - Dự án hóa dầu miền Nam giai đoạn 2 (công	c. Đầu tư-góp vốn - 2011: Hoàn thành hồ sơ văn phòng tại TP.HCM - 2011 – 2013: Xây dựng và hoàn thành đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất Amoniac công suất 200.000 tấn/năm (giai đoạn 1). Giai đoạn 2 nâng công suất lên 450.000 tấn/năm. - Năm 2011: Hoàn thành dự án nâng công suất nhà máy Bao bì Phú Mỹ và góp vốn

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
ty tham gia 10%) - Dự án PES (công ty tham gia 15%) - Dự án nhà máy phân bón trong nước và nước ngoài (công ty tham gia 20%) - Dự án nhà máy sản xuất NPK (công ty tham gia 25%) - Góp vốn theo tiến độ vào các dự án: nhà máy bao bì - Tiếp tục đầu tư góp vốn vào các doanh nghiệp khác trong và ngoài ngành. - Góp vốn đầu tư theo tiến độ vào các dự án Hóa dầu miền Nam giai đoạn 1, dự án sản xuất phân bón trong và ngoài nước, NPK, PES (xơ sợi tổng hợp).	đầu tư nhà máy bao bì tại tỉnh Bạc Liêu đáp ứng nhu cầu bao bì của các dự án phân bón, hóa chất của PVFCCo. - 2010 – 2012: Triển khai xây dựng và hoàn thành đưa vào hoạt động nhà máy sản xuất phân NPK có công suất 400.000 tấn/năm tại Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. - 2011-2013: Xây dựng và hoàn thành dự án sản xuất Nitrat Amon 200.000 tấn/năm tại Bà Rịa Vũng Tàu. - 2011-2014: Xây dựng và hoàn thành dự án sản xuất Glyphosate 20.000 tấn/năm. - Đến năm 2015: Hoàn thiện hệ thống kho cảng sức chứa 350.000 tấn phân bón quy đổi.
Điều chỉnh: - Bỏ một số dự án : Melamine, H2SO4, SA, DAP, dự án hoá dầu miền Nam. Dự án NPK tự đầu tư 100%	Lý do: - Điều chỉnh chiến lược phát triển cho phù hợp với tình hình mới. Bổ sung các dự án Amoniac, Nitrat Amon và Glyphosate
2. Nguồn tài chính. Việc huy động đủ nguồn vốn để đầu tư vào các dự án phát triển của Công ty kịp thời và đúng tiến độ là một việc rất quan trọng. Theo tính toán sơ bộ, giai đoạn 2008 -2015 công ty cần kiến cần khoảng 8.925 tỷ đồng, tương đương 558 triệu USD để đầu tư cho các dự án, trong đó: - Tổng vốn đầu tư cho các dự án công ty đầu tư trực tiếp là: 6.252 tỷ VNĐ, tương đương 391 triệu USD. - Tổng vốn đầu tư cho các dự án công ty đầu tư gián tiếp là: 2.673 tỷ VNĐ, tương đương 167 triệu USD. Để đáp ứng vốn đầu tư cho chiến lược phát triển, Công ty ngoài việc sử dụng nguồn vốn có được từ lợi nhuận và khấu hao hàng năm, sẽ phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, huy động vốn dưới hình thức góp vốn cổ phần và vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.	2. Nguồn tài chính. Với các dự án đầu tư giai đoạn 2011-2015, tổng nhu cầu vốn đầu tư lên đến gần 23.000 tỷ đồng. Để đáp ứng vốn đầu tư cho chiến lược phát triển, Tổng công ty ngoài việc sử dụng nguồn vốn có được từ lợi nhuận và khấu hao hàng năm, sẽ xem xét các hình thức huy động vốn như phát hành thêm cổ phiếu, trái phiếu, huy động vốn dưới hình thức góp vốn cổ phần và vay từ các tổ chức tín dụng trong và ngoài nước.
Cập nhật: - Điều chỉnh nguồn vốn đầu tư theo các dự án	

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 Sau năm 2015, ông công ty là một doanh nghiệp mạnh hàng đầu về phân bón và hóa chất trong nước, sở hữu các cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản lớn, nắm bắt công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến, thị trường rộng. Mục tiêu tổng quát đến 2025: - Duy trì vị thế với các chỉ tiêu kinh tế đã đạt được trong giai đoạn 2008-2015 về lĩnh vực phân bón, hóa chất; - Tiếp tục phát triển đa ngành ra nhiều lĩnh vực, hướng tới hình thành một tổng công ty công nghiệp hóa chất hàng đầu trong nước và khẳng định vị trí doanh nghiệp mạnh trong ngành công nghiệp hóa chất ở tầm khu vực Đông Nam Á. - Mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài. - Giữ vững thị phần các sản phẩm và dịch vụ đã đạt được. - Duy trì và phát triển các cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà máy: Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Nhà máy Đạm hạt đục, Nhà máy DAP, Nhà máy sản xuất Melamine, hóa chất, Nhà máy sản xuất NPK, Nhà máy sản xuất SA, các nhà máy hóa dầu..., các bất động sản lớn, hệ thống kho cảng, các cơ sở chế biến công nghiệp khác. - Tham gia góp vốn xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp, dân dụng. - Tham gia xây dựng, phát triển và nắm giữ phần vốn ở một số dự án sản xuất ở nước ngoài về hóa chất, hóa dầu. - Phát triển các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác: về thương mại, dịch vụ khoa học - công nghệ - đào tạo, nghiên cứu & phát triển, giao thông vận tải. - Phát triển hoạt động đầu tư tài chính. - Trình độ quản lý và công nghệ, môi trường: Về công nghệ, làm chủ công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực hóa chất, triển khai được hoạt động nghiên cứu và phát triển sâu về công nghệ, tương đương các nước	III. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2025 Sau năm 2015, ông công ty là một doanh nghiệp mạnh hàng đầu về phân bón và hóa chất trong nước, sở hữu các cơ sở vật chất kỹ thuật, tài sản lớn, nắm bắt công nghệ hiện đại, trình độ quản lý tiên tiến, thị trường rộng. Mục tiêu tổng quát đến 2025: - Duy trì vị thế với các chỉ tiêu kinh tế đã đạt được trong giai đoạn 2008-2015 về lĩnh vực phân bón, hóa chất; - Tiếp tục phát triển đa ngành ra nhiều lĩnh vực, hướng tới hình thành một tổng công ty phân bón, hóa chất hàng đầu trong nước và khẳng định vị trí doanh nghiệp mạnh trong ngành công nghiệp phân bón, hóa chất ở tầm khu vực Đông Nam Á. - Mở rộng phạm vi hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư ra nước ngoài. - Giữ vững thị phần các sản phẩm và dịch vụ đã đạt được. - Duy trì và phát triển các cơ sở vật chất, kỹ thuật, nhà máy: Nhà máy Đạm Phú Mỹ, Nhà máy sản xuất NPK, Nhà máy sản xuất SA, nhà máy Amoniac, Nitrat Amon, nhà máy hóa chất khác, hệ thống kho cảng hậu cần phục vụ hệ thống phân phối sản phẩm. - Tham gia góp vốn xây dựng, phát triển cơ sở hạ tầng công nghiệp, dân dụng. - Tham gia xây dựng, phát triển và nắm giữ phần vốn ở một số dự án sản xuất ở nước ngoài về hóa chất, hóa dầu. - Phát triển các cơ sở kinh doanh dịch vụ khác: về thương mại, dịch vụ khoa học - công nghệ - đào tạo, nghiên cứu & phát triển, giao thông vận tải. - Phát triển hoạt động đầu tư tài chính. - Trình độ quản lý và công nghệ, môi trường: Về công nghệ, làm chủ công nghệ tiên tiến trong lĩnh vực hóa chất, triển khai được hoạt động nghiên cứu và phát triển sâu về công nghệ, tương đương các nước công nghiệp mới (NICs) như Hàn Quốc, Singapore... tại thời điểm hiện tại; Trình độ

Chiến lược phát triển PVFCCo đã được thông qua tại ĐHĐCĐ phiên họp thường niên năm 2008	Chiến lược phát triển PVFCCo cập nhật trình ĐHĐCĐ thông qua năm 2011
công nghiệp mới (NICs) như Hàn Quốc, Singapore... tại thời điểm hiện tại; Trình độ quản lý doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; Về môi trường: mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng tất cả các yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Phạm vi hoạt động và thị trường: bao gồm cả trong nước và quốc tế. Thương hiệu công ty và sản phẩm có vị trí cao trên thị trường khu vực và quốc tế. - Tham gia thị trường vốn và thị trường chứng khoán ở nước ngoài.	quản lý doanh nghiệp hiện đại theo chuẩn mực quốc tế; Về môi trường: mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh đáp ứng tất cả các yêu cầu về bảo vệ môi trường. - Phạm vi hoạt động và thị trường: bao gồm cả trong nước và quốc tế. Thương hiệu công ty và sản phẩm có vị trí cao trên thị trường khu vực và quốc tế. - Tham gia thị trường vốn và thị trường chứng khoán ở nước ngoài.
Thay đổi: Về cơ bản Tổng công ty xin giữ nguyên định hướng phát triển theo Chiến lược hiện tại, cập nhật tình hình một số dự án có thay đổi để phù hợp với tình hình điều chỉnh của giai đoạn 2008-2015.	

PHỤ LỤC:
DANH MỤC CẬP NHẬT DỰ ÁN ĐẦU TƯ TRỌNG ĐIỂM
GIAI ĐOẠN 2011-2015

1. Hệ thống kho

2. Hiện tại PVFCCo đã đầu tư hệ thống kho có sức chứa 133.000 tấn, kế hoạch đến năm 2015 sẽ đạt 350.000 tấn, phân bổ theo khu vực:

ĐVT: Tấn

Khu vực	Hiện có	Bổ sung	Tổng cộng
Miền Bắc	28.000	17.000	45.000
Miền Trung	25.000	40.000	65.000
Đông nam bộ	20.000	40.000	60.000
Tây nam bộ	30.000	50.000	80.000
Nhà máy	30.000	-	30.000
Khu vực khác	-	70.000	70.000
Tổng	133.000	217.000	350.000

3. Các dự án đầu tư 100%.

Stt	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian	Tổng mức đầu tư dự kiến
1	Dự án sản xuất NPK.	BR-VT	400.000/năm	2010-2012	1.127 Tỷ đ
2	Dự án văn phòng 43 Mạc Đĩnh Chi	TP.HCM		2009-2011	830 Tỷ đ
3	Dự án Sản xuất Phân vi sinh		50.000/năm	2012-2014	100 Tỷ đ
4	Nâng công suất nhà máy Bao bì Phú Mỹ	BR-VT		2010-2011	36 Tỷ đ
5	Dự án chế biến, pha chế hóa chất nông dược			2011-2013	20 Tỷ đ
6	Xưởng pha trộn hóa chất				4 triệu USD
7	Nhà máy sản xuất H2O2		30.000/năm	2011-2012	25 triệu USD

4. Các dự án góp vốn

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian	Tổng mức đầu tư dự kiến
1	Dự án hóa dầu và xơ sợi tổng hợp - PVTEX Đình Vũ (phần góp vốn của PVFCCo)	Hải phòng		2008-2011	270 tỷ đ
2	Dự án sản xuất Amoniac	BRVT	450.000 tấn/năm	2011-2014	480 triệu USD
3	Dự án sản xuất Nitrat Amon	BRVT	200.000 tấn/năm	2011-2013	151 triệu USD
4	Dự án sản xuất Glyphosate		20.000 tấn/năm	2010-2014	130 triệu USD